3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng phòng
Deputy Chief of Division

Ta Thị Hương Giang

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*	Mã số / *Code*	Số hộ chiếu / *Passport N°*
P	VNM	C9398069

Họ và tên / *Full name*
PHAN ĐÌNH HÙNG

Quốc tịch / *Nationality* — VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth* — 29 / 01 / 1999

Nơi sinh / *Place of birth* — HÀ TĨNH

Giới tính / *Sex* — NAM / M

Số GCMND / *ID card N°* — 184402796

Ngày cấp / *Date of issue* — 20 / 10 / 2020

Có giá trị đến / *Date of expiry* — 20 / 10 / 2030

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMPHAN<<DINH<HUNG<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C9398069<0VNM9901292M3010208184402796<<<<<72

11

UC — VISAS

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR

上陸許可
LANDING PERMISSION

許可年月日
Date of permit: 14 MAY 2022

在留期限
Until: 14 MAY 2023

在留資格 技能実習1号ロ
Status: Technical intern training (I)(B)

在留期間 One year
Duration:

NARITA

1905045185

LHL2781612
TJ3566586BFA

VIET NAM

JAPAN VISA
日本国査証

EC9724362

Place of issue
HANOI

Date of issue
21 APR 22

Date of expiry
21 JUL 22

No.of entries
SINGLE

Issue No.
22C20391

For stay(s) of
1 YEAR

Category
(E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)

Surname/Given name
PHAN DINH HUNG

Passport No.
C9398069

Sex
M

Date of birth
29 JAN 99

Nationality
VNM

No. of applicants

Remarks
M27

SNY21-000183

JAPAN VISA

MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS JAPAN

V<JPNPHAN<<DINH<HUNG<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<

C9398069<0VNM9901292M2207216 22C20391620A<E17